

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 170/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận trong hoạt động hóa chất; phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận trong hoạt động hóa chất; phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng nộp phí, lệ phí

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận trong hoạt động hóa chất; phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất thì phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận trong hoạt động hóa chất; phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 3 Điều 15 và Điều 41 Luật hóa chất, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất có nhiệm vụ tổ chức thu, kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất theo quy định tại Thông tư này (dưới đây gọi chung là tổ chức thu phí, lệ phí).

Điều 4. Mức thu phí, lệ phí

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

2. Phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất thu bằng Đồng Việt Nam (VNĐ).

Điều 5. Kê khai, nộp phí, lệ phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai phí, lệ phí theo tháng và quyết toán phí, lệ phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19; nộp phí, lệ phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị

định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Số tiền phí còn lại 10% (mười phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; thay thế Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực

hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai



BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 170/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính)

STT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (vnd)
1	Lệ phí cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp		
	Giấy phép xuất khẩu tiền chất công nghiệp - Cấp mới - Gia hạn	Giấy phép	200.000 100.000
	Giấy phép nhập khẩu tiền chất công nghiệp - Cấp mới - Gia hạn	Giấy phép	200.000 100.000
2	Phí thẩm định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	01 Bộ hồ sơ	36.000.000
3	Phí thẩm định phê duyệt Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	01 Bộ hồ sơ	8.000.000
4	Phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong ngành công nghiệp		
	Giấy phép sản xuất hóa chất	Giấy phép	1.200.000
	Giấy phép kinh doanh hóa chất	Giấy phép	1.200.000
	Giấy phép sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất	Giấy phép	1.200.000
5	Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		
	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa	Giấy chứng nhận	1.200.000

	chất		
	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất	Giấy chứng nhận	1.200.000
	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất	Giấy chứng nhận	1.200.000
6	Phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng		
	Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Giấy phép	1.200.000
	Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2	Giấy phép	1.200.000
	Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 3	Giấy phép	1.200.000
	Giấy phép sản xuất hóa chất: DOC, DOC-PSF	Giấy phép	1.200.000

